

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-PT

Ngày: 14/01/2019

V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Trần Thị Kim E

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 14 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 283/2018/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp: “Hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 297/2018/DS-ST ngày 25-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 359/2018/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị T, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: 1. Châu Văn H, sinh năm 1971 (có mặt);

2. Nguyễn Thu A, sinh năm 1976 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Tương L – Văn phòng luật sư Nguyễn Tương L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

- Người làm chứng:

1. Huỳnh Thị Kim H1, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Cao Thị N, sinh năm 1965 (có mặt).

Đại chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Huỳnh Thị D, sinh năm 1962 (có mặt).

Đại chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Đặng Thị Mỹ P, sinh năm 1981 (có mặt).

Đại chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Nguyễn Thị Điệp E, sinh năm 1977 (có mặt).

Đại chỉ: ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Nguyễn Thị Ngọc T1, sinh năm 1961 (có mặt).

Đại chỉ: ấp H, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn - Châu Văn H, sinh năm 1971 và Nguyễn Thu A, sinh năm 1976.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày: Trước đây bà có tham gia chơi và mua nhiều dây hụi do ông H, bà A làm chủ hụi. Vợ chồng ông H, bà A còn nợ bà số tiền chơi hụi và mua hụi gồm nhiều dây hụi sau:

1. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30-9-2015 âm lịch, gồm 26 phần, bà T chơi 01 phần, đã đóng đến ngày 30-11-2016 âm lịch. Số tiền đã đóng 14 tháng x 800.000 đồng/tháng = 11.200.000 đồng. Đồng thời bà còn mua 02 phần hụi của dây này, trừ 01 tháng đầu tiên, số tiền mỗi phần hụi là 25 tháng x 750.000 đồng = 18.750.000 đồng, trừ hoa hồng 500.000 đồng, số tiền còn lại 18.250.000 đồng x 02 phần = 36.500.000 đồng (Biên nhận hụi mua số 7).

Dây hụi này ông H, bà A nợ 47.700.000 đồng.

2. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15-11-2015 âm lịch, gồm 21 phần, bà T chơi 01 phần, đã đóng đến ngày 15-12-2016 âm lịch (13 tháng). Số tiền đã đóng 13 tháng x 1.600.000 đồng/tháng = 20.800.000 đồng.

3. Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khai ngày 20-7-2016 âm lịch, gồm 28 phần, bà T chơi 02 phần, đã đóng đến ngày 20-12-2016 âm lịch (05 tháng). Số tiền đã đóng 05 tháng x 02 phần x 400.000 đồng/tháng = 4.000.000 đồng. Cùng dây hụi này ngày 20-7-2016 âm lịch bà có mua 05 phần hụi 500.000 đồng/tháng với số tiền: một phần = 28 tháng x 325.000 đồng = 9.100.000 đồng, trừ lại 250.000 đồng tiền đầu thảo, còn lại 8.850.000 đồng. Vậy 05 phần: 8.850.000 đồng x 5 = 44.250.000 đồng (Biên nhận hụi mua số 1).

Dây hụi này ông H, bà A nợ 48.250.000 đồng.

4. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15-7-2016 âm lịch, gồm 27 phần, bà T chơi 01 phần, đã đóng đến ngày 15-12-2016 âm lịch. Số tiền đã đóng 05 tháng x 800.000 đồng/tháng = 4.000.000 đồng. Cùng dây này ngày 15-7-2016 âm lịch bà mua 01 phần với số tiền 17.500.000 đồng (25 phần x 720.000 đồng = 18.000.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 500.000 đồng, còn lại 17.500.000 đồng), (biên nhận hụi mua số 2).

Dây hụi này ông H, bà A nợ 21.500.000 đồng.

5. Dây hụi tuần: 100.000 đồng, khai ngày 10-3-2016 âm lịch, gồm 45 phần bà T chơi 08 phần, đã đóng đến ngày 10-12-2016 âm lịch. Số tiền đã đóng 08 phần x 40 tuần x 80.000 đồng = 25.600.000 đồng, trừ tiền đầu thảo mỗi dây 50.000 đồng x 8 = 400.000 đồng, số tiền còn lại 25.200.000 đồng. Cùng dây hụi này, ngày 11-3-2016 âm lịch, bà mua 10 phần với số tiền 34.700.000 đồng (3.520.000 đồng x 10 phần = 35.200.000 đồng, trừ tiền đầu thảo mỗi dây 50.000 đồng x 10 phần = 500.000 đồng, còn lại 35.200.000 đồng – 5.000.000 đồng = 34.700.000 đồng), (biên nhận hụi mua số 3).

Dây hụi này ông H, bà A nợ 59.900.000 đồng.

6. Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khai ngày 05-02-2015 âm lịch, gồm 24 phần, bà T chơi 02 phần, đã đóng đến 05-12-2016 âm lịch. Số tiền đã đóng 22 tháng x 350.000 đồng/tháng x 2 phần = 15.400.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 250.000/phần x 2 = 500.000 đồng, còn lại 14.900.000 đồng/2 phần. Cùng dây hụi này, ngày 05-02-2015 âm lịch bà mua 5 phần với tổng số tiền 39.000.000 đồng (5 phần x 350.000 đồng x 23 = 40.250.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 250.000 đồng/phần x 5 = 1.250.000 đồng, còn lại 39.000.000 đồng), (biên nhận hụi mua số 4).

Dây hụi này ông H, bà A nợ 53.900.000 đồng.

7. Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khai ngày 10-10-2014 âm lịch, gồm 28 phần, bà T chơi 03 phần, đã đóng đến 10-01-2016 âm lịch hụi đã mãn. Số tiền đã đóng 27 tháng x 350.000 đồng x 3 phần = 27.600.000 đồng (27 x 350.000 đồng = 9.450.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 250.000 đồng/phần, còn lại 9.200.000 đồng x 3 = 27.600.000 đồng). Cùng dây hụi này, ngày 10-10-2014 âm lịch bà mua 02 phần với tổng số tiền hụi mãn 19.660.000 đồng (28 x 360.000 đồng = 10.080.000, trừ tiền đầu thảo 250.000 đồng/phần, còn lại 9.830.000 đồng/phần x 2 = 19.660.000 đồng), (biên nhận hụi mua số 6).

Dây hụi này ông H, bà A nợ tổng cộng 47.260.000 đồng.

8. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30-12-2014 âm lịch, gồm 32 phần, bà T chơi 02 phần, đã đóng đến 30-12-2016 âm lịch. Số tiền đã đóng 23 tháng x 800.000 đồng/tháng x 2 phần = 36.800.000 đồng. Cùng dây hụi này, ngày 30-12-2015 âm lịch bà mua 01 phần với số tiền 21.200.000 đồng (31 x 700.000 đồng = 21.700.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 500.000 đồng, còn lại 21.200.000 đồng, (biên nhận hụi mua số 7).

Dây hui này ông H, bà A nợ tổng cộng 58.000.000 đồng.

Tổng cộng 08 dây hui ông H, bà A nợ 357.310.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông H, bà A phải trả 357.310.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng từ tháng 12/2016 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn ông Châu Văn H, bà Nguyễn Thu A: đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H, bà A vẫn vắng mặt không có lý do tại các phiên họp, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 297/2018/DS-ST ngày 25-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, Điều 474, Điều 476, Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005 xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T.

- Buộc ông Châu Văn H, bà Nguyễn Thu A phải trả cho bà Phan Thị T tổng số tiền 413.318.329 đồng (gốc 357.310.000 đồng, lãi 56.008.329 đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15-10-2018, bị đơn ông Châu Văn H và bà Nguyễn Thu A có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T. Ông H cho rằng không có tham gia chơi hui với bà T; bà A cho rằng không có nợ tiền hui của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Châu Văn H và bà Nguyễn Thu A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông H và bà A phát biểu ý kiến, cho rằng án sơ thẩm xác định tư cách ông H là bị đơn là không rõ về nghĩa vụ liên đới, vì ông H biết bà A là chủ hui, nhưng ông H không tham gia hui. Án sơ thẩm căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các nhân chứng xác nhận có đóng hui cho ông H, để buộc ông H và bà A có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ hui cho bà T là chưa phù hợp quy định tại các Điều 24, 25 và 26 Luật hôn nhân và gia đình, kháng cáo của ông H là có cơ sở.

Đối với kháng cáo của bà A, nguyên đơn là bà T cung cấp 07 phiếu bà T mua hui của bà A và lời khai của bà A tại Cơ quan điều tra để buộc bà A và ông H trả cho bà T tiền nợ hui là chưa có căn cứ vững chắc.

Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, hoặc chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, xét yêu cầu kháng cáo của ông Châu Văn H và bà Nguyễn Thu A: xác định bà T có tham gia chơi hụi và mua hụi do bà A làm chủ hụi. Bà T cung cấp 07 biên nhận mua hụi của bà A. Tại phiên tòa phúc thẩm và Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Gạo bà A thừa nhận nợ tiền hụi bà T. Ông H và bà A có quan hệ là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, ông H thừa nhận biết bà A là chủ hụi, do vậy cũng phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền hụi cho bà T. Kháng cáo của ông H và bà A là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và bà A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Hợp đồng nợ hụi” là không đúng. Cần xác định lại đây là tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015), cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm việc này.

[2] Về nội dung: Theo trình bày của bà Phan Thị T bà có tham gia 08 dây hụi và mua hụi 07 dây hụi do bà Nguyễn Thu A và ông Châu Văn H làm chủ hụi như sau:

1. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30-9-2015 âm lịch, gồm 26 phần, bà T chơi 01 phần, đã đóng đến ngày 30-11-2016 âm lịch. Số tiền đã đóng 14 tháng x 800.000 đồng/tháng = 11.200.000 đồng. Đồng thời bà còn mua 02 phần hụi của dây này, trừ 01 tháng đầu tiên, số tiền mỗi phần hụi là 750.000 đồng x 25 tháng = 18.750.000 đồng, trừ hoa hồng 500.000 đồng, số tiền còn lại 18.250.000 đồng x 02 phần = 36.500.000 đồng, (biên nhận hụi mua số 5).

Dây hụi này ông H, bà A nợ 47.700.000 đồng.

2. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15-11-2015 âm lịch, gồm 21 phần, bà T chơi 01 phần, đã đóng đến ngày 15-12-2016 âm lịch (13 tháng). Số tiền đã đóng 13 tháng x 1.600.000 đồng/tháng = 20.800.000 đồng.

3. Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khai ngày 20-7-2016 âm lịch, gồm 28 phần, bà T chơi 02 phần, đã đóng đến ngày 20-12-2016 âm lịch (05 tháng). Số tiền đã đóng 05 tháng x 02 phần x 400.000đồng/tháng = 4.000.000 đồng. Cùng dây hụi

này ngày 20-7-2016 âm lịch bà có mua 05 phần hụi 500.000 đồng/tháng với số tiền: một phần = 28 tháng x 325.000 đồng = 9.100.000 đồng, trừ lại 250.000 đồng tiền đầu thảo, còn lại 8.850.000 đồng. Vậy 05 phần: 8.850.000 đồng x 5 = 44.250.000 đồng, (biên nhận mua hụi số 1)

Dây hụi này ông H, bà A nợ 48.250.000 đồng.

4. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15-7-2016 âm lịch, gồm 27 phần, bà T chơi 01 phần, đã đóng đến ngày 15-12-2016 âm lịch. Số tiền đã đóng 05 tháng x 800.000 đồng/tháng = 4.000.000 đồng. Cùng dây này ngày 15-7-2016 âm lịch bà mua 01 phần với số tiền 17.500.000 đồng (25 phần x 720.000.000 đồng = 18.000.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 500.000 đồng, còn lại 17.500.000), (biên nhận hụi mua số 2).

Dây hụi này ông H, bà A nợ 21.500.000 đồng.

5. Dây hụi tuần: 100.000 đồng, khai ngày 10-3-2016 âm lịch, gồm 45 phần bà T chơi 08 phần, đã đóng đến ngày 10-12-2016 âm lịch. Số tiền đã đóng 08 phần x 40 tuần x 80.000 đồng = 25.600.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 50.000 đồng mỗi dây x 8 = 400.000 đồng, số tiền còn lại 25.200.000 đồng. Cùng dây hụi này, ngày 11-3-2016 âm lịch, bà mua 10 phần với số tiền 34.700.000 đồng (3.520.000 đồng x 10 phần = 35.200.000 đồng, trừ tiền đầu thảo mỗi dây 50.000 đồng x 10 phần = 500.000 đồng, còn lại 35.200.000 đồng – 5.000.000 đồng = 34.700.000 đồng), (biên nhận hụi mua số 3).

Dây hụi này ông H, bà A nợ 59.900.000 đồng.

6. Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khai ngày 05-02-2015 âm lịch, gồm 24 phần, bà T chơi 02 phần, đã đóng đến 05-12-2016 âm lịch. Số tiền đã đóng 22 tháng x 350.000 đồng/tháng x 2 phần = 15.400.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 250.000/phần x 2 = 500.000 đồng, còn lại 14.900.000 đồng/2 phần. Cùng dây hụi này, ngày 05-02-2015 âm lịch bà mua 5 phần với tổng số tiền 39.000.000 đồng (5 phần x 350.000 đồng x 23 = 40.250.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 250.000 đồng/phần x 5 = 1.250.000 đồng, còn lại 39.000.000 đồng), (biên nhận hụi mua số 4).

Dây hụi này ông H, bà A nợ 53.900.000 đồng.

7. Dây hụi 500.000 đồng/tháng, khai ngày 10-10-2014 âm lịch, gồm 28 phần, bà T chơi 03 phần, đã đóng đến 10-01-2016 âm lịch hụi đã mãn. Số tiền đã đóng 27 tháng x 350.000 đồng x 3 phần = 27.600.000 đồng (27 x 350.000 đồng = 9.450.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 250.000 đồng/phần, còn lại 9.200.000 đồng x 3 = 27.600.000 đồng). Cùng dây hụi này, ngày 10-10-2014 âm lịch bà mua 02 phần với tổng số tiền hụi mãn 19.660.000 đồng (28 x 360.000 đồng = 10.080.000, trừ tiền đầu thảo 250.000 đồng/phần, còn lại 9.830.000 đồng/phần x 2 = 19.660.000 đồng), (biên nhận hụi mua số 6).

Dây hụi này ông H, bà A nợ tổng cộng 47.260.000 đồng.

8. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30-12-2014 âm lịch, gồm 32 phần, bà T chơi 02 phần, đã đóng đến 30-12-2016 âm lịch. Số tiền đã đóng 23

tháng x 800.000 đồng/tháng x 2 phần = 36.800.000 đồng. Cùng dây hụi này, ngày 30-12-2015 âm lịch bà mua 01 phần với số tiền 21.200.000 đồng (31 x 700.000 đồng = 21.700.000 đồng, trừ tiền đầu thảo 500.000 đồng, còn lại 21.200.000 đồng, (biên nhận hụi số 7).

Dây hụi này ông H, bà A nợ tổng cộng 58.000.000 đồng.

Tổng cộng 08 dây hụi ông H, bà A nợ 357.310.000 đồng.

Nay bà T yêu cầu ông H, bà A phải trả 357.310.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng từ tháng 12/2016 âm lịch đến ngày Tòa án xét xử vụ án.

[3] Bà Nguyễn Thu A và ông Châu Văn H vắng mặt, không tham gia tất cả các giai đoạn tố tụng ở cấp sơ thẩm.

[4] Xét hợp đồng góp hụi bà T trình bày, chứng cứ kèm theo là các biên nhận tiền mua hụi do bà A viết. Cấp sơ thẩm đã tiến hành các thủ tục hợp lệ đối với việc vắng mặt của bà A và ông H và thu thập thêm chứng cứ từ lời khai của bà A tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang ngày 23/02/2017 (BL 87-88), bà A khai bà T và bà Nguyễn Thị Điệp E có tham gia các dây hụi do bà A làm chủ hụi, bà A còn thiếu tiền hụi của bà T hơn 100.000.000 đồng, thiếu của bà Điệp E hơn 100 triệu đồng. Bà A hứa sẽ trả tiền hụi cho bà T, bà Điệp E, mỗi tháng sẽ trả từ 1-2 triệu đồng. Lời khai của những người làm chứng là những hụi viên cùng với bà T tham gia các dây hụi do bà A làm chủ hụi như bà Huỳnh Thị Kim H1, bà Cao Thị N, bà Nguyễn Thị H2, bà Huỳnh Thị D, chị Đặng Thị Mỹ P, bà Nguyễn Thị Điệp E và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 cũng xác nhận bà T có tham gia các dây hụi và mua hụi do bà A làm chủ hụi như lời trình bày của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà A trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Gạo bà khai bà T có tham gia các dây hụi do bà làm chủ, bà còn nợ tiền hụi của bà T hơn 100 triệu đồng, không có số tiền bà bán hụi cho bà T theo 07 biên nhận do bà T cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm. Như vậy có căn cứ xác định việc bà A còn nợ tiền 08 dây hụi do bà T đóng hụi cho bà A như bà T trình bày số tiền 144.500.000 đồng là có cơ sở và số tiền 07 biên nhận (bà A thừa nhận chữ viết của bà A), bà A bán hụi cho bà T số tiền 212.810.000 đồng, tổng cộng là 357.310.000 đồng.

[5] Bà A và ông H là vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, ông H cũng thừa nhận biết bà A là chủ hụi của nhiều dây hụi tổ chức tại nhà của bà A và ông H, những người làm chứng trong vụ án có lời khai xác nhận ông H cũng có trực tiếp nhận tiền của hụi viên đóng hụi, nên ông cũng phải có nghĩa vụ cùng bà A trả lại tiền nợ hụi cho bà T.

[6] Xét án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông H và bà A phải trả tiền nợ hụi bà A đã nhận của bà T do bà T đã đóng hụi và mua hụi do bà A làm chủ hụi số tiền 357.310.000 (trong đó tiền đóng hụi là 144.500.000 đồng và tiền mua hụi là 212.810.000 đồng) và tính lãi từ ngày bà A tuyên bố bẻ hụi ngày 29/12/2016 (nhằm ngày 01/12/2016 âm lịch) số tiền

56.008.329 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 479, Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 (nay là Điều 471, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015).

[7] Ông H kháng cáo cho rằng mặc dù ông biết vợ ông là bà A làm chủ hụi, việc khai hụi nhiều lần tại nhà ông, nhưng do ông không có tham gia nên ông không có nghĩa vụ cùng bà A trả lại tiền hụi cho bà T.

Bà H kháng cáo cho rằng 07 biên nhận mua hụi do bà T cung cấp cho Tòa án, chữ viết trong nội dung các biên nhận do bà viết nhưng bà không có nhận tiền của bà T. Bà T yêu cầu bà phải trả số tiền bà T đã đóng cho bà trong 08 dây hụi do bà làm chủ, bà không biết bà T có tham gia hay không vì lâu quá bà không nhớ.

[8] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H và bà A là không có cơ sở vì không cung cấp được chứng cứ mới nên không được chấp nhận.

[9] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[10] Xét ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Bà Nguyễn Thu A và ông Châu Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 305, Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Châu Văn H và bà Nguyễn Thu A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 297/2018/DS-ST ngày 25-9-2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

Buộc ông Châu Văn H, bà Nguyễn Thu A phải trả cho bà Phan Thị T tổng số tiền 413.318.329 đồng (gốc 357.310.000 đồng, lãi 56.008.329 đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Phan Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Châu Văn H và bà Nguyễn Thu A chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3/ Về án phí: Ông Châu Văn H và bà Nguyễn Thu A phải chịu 20.532.733 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông H, bà A mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí

dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng và bà A đã nộp 300.000 đồng theo các biên lai thu số 0015262 ngày 17/10/2018 và 0015270 ngày 22/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

Hoàn lại bà Phan Thị T 11.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 35666 ngày 28/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSDN tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Hiếu